

Bản án số: 42/2025/HS-ST
Ngày: 30 - 7 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Minh Hồng
Thẩm phán: Ông Chu Thái Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Tuyên
Bà Phạm Thị Châu Yên
Bà Nguyễn Thị Luyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Cao Thị Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2025/TLST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2025/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị L**, sinh năm 1987; Giới tính: Nữ; ĐKTT và nơi ở: Xóm A, xã G, tỉnh Ninh Bình (trước sáp nhập là xóm A, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định); Số CCCD: 036187001085 cấp ngày 14-11-2023; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông Trần Văn B, sinh năm 1960 và bà Đinh Thị D, sinh năm 1964 (đã chết); Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai; chồng Nguyễn Long P, sinh năm 1983 (đã chết); có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2010; chồng 2 là Đinh Văn Đ, sinh năm 1988; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24-01-2025. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 3 - Công an tỉnh N. Có mặt.

- Bị hại: Anh Trần Gia K, sinh năm 1979

Địa chỉ: Khu T, phường T, tỉnh Ninh Bình (trước sáp nhập là Khu T, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo theo quy định tại Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự*: Luật sư Hoàng Đức T – Đoàn luật sư tỉnh N. Có mặt

- *Người làm chứng*: Ông Trần Văn B, chị Trần Thị O, anh Mai Văn V, chị Đỗ Thị T1, anh Trần Văn N, chị Đinh Thị B1, chị Trần Thị H; đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 10/2022, Trần Thị L có quan hệ tình cảm với anh Trần Gia K, sinh năm 1979, trú tại: Khu T, phường T tỉnh Ninh Bình. Quá trình quen biết, L gian dối tự giới thiệu với anh K, bản thân là người giàu có, L có bố là ông Trần Văn B, sinh năm 1960, trú tại: Xóm A, xã G, tỉnh Ninh Bình (trước sáp nhập là xã G huyện G, tỉnh Nam Định) là người giàu có kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản, thủy sản. Thực tế, L không có nghề nghiệp ổn định, không có tiền, tài sản gì, ông B làm nghề bảo vệ, không có tài sản hoặc bất động sản gì.

Đầu năm 2023, L nói với anh K bản thân đang góp tiền với anh trai là Trần Văn B2, sinh năm 1984, trú tại: Xóm A, xã G, tỉnh Ninh Bình (trước sáp nhập là xã G huyện G, tỉnh Nam Định) và cậu là Đinh Công V1, sinh năm 1982, trú tại: Số B, ngách H, đường G, phường T, thành phố Hà Nội đầu tư mua đất trồng lúa tại huyện G, tỉnh Nam Định; sau đó chuyển đổi mục đích sử dụng thành đất ở để bán kiếm lợi. L tự giới thiệu bản thân có quan hệ với chị Trần Thị N1, sinh năm 1987, trú tại: TDP Đ, xã G, tỉnh Ninh Bình (trước sáp nhập là thị trấn G, tỉnh Nam Định) - Phó chủ tịch UBND huyện G, tỉnh Nam Định và anh Nguyễn Hải T2, sinh năm 1986, trú tại: Xóm A, xã G, tỉnh Ninh Bình (trước sáp nhập là xã B, huyện G - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Giao Thủy nên sẽ chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp chuyển thành đất ở và làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được, qua đó sẽ bán được đất kiếm lợi rất nhiều tiền. Do tin tưởng L nên anh K đồng ý góp tiền với L để đầu tư kinh doanh đất đai. Trong năm 2023, anh K đã nhiều lần chuyển tiền vào các tài khoản do L cung cấp với tổng số tiền 495.600.000 đồng, cụ thể: Tài khoản số 3204205259400 Ngân hàng A và tài khoản số 9971329133 Ngân hàng V2 của Trần Thị O, sinh năm 1990, trú tại: Xóm A, xã G, tỉnh Ninh Bình (trước sáp nhập là xã G huyện G, tỉnh Nam Định) số tiền 320.600.000 đồng; tài khoản số 0987312233 Ngân hàng L1 của anh Mai Văn V, sinh năm 1985, trú tại: Xóm A, xã G, huyện G số tiền 70.000.000 đồng; tài khoản số 9866082273 Ngân hàng V2 của chị Trần Thị N2, sinh năm 2000, trú tại: Xóm C, xã G, tỉnh Ninh Bình (trước sáp nhập là xã H, huyện G, tỉnh Nam Định) số tiền 50.000.000 đồng; tài khoản số 102802166266 Ngân

hàng V3 của chị Đỗ Thị T1, sinh năm 1990, trú tại: Xóm T, xã G, tỉnh Ninh Bình (trước sáp nhập là xã G, huyện G, tỉnh Nam Định) số tiền 55.000.000 đồng. Sau khi nhận được số tiền chuyển khoản từ K, theo thống nhất từ trước với L thì anh V, chị T1 là những người bạn của L, chị N2 và chị O (em ruột L) đã rút tiền mặt hoặc chuyển khoản hết lại cho L. Ngoài chuyển khoản anh K đã đưa cho L 300 triệu tiền mặt. Từ khi góp tiền kinh doanh đất đai, anh K nhiều lần hỏi L thì L lấy lý do đang liên hệ với Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hứa hẹn sau đó sẽ bán được nhiều tiền. Thực tế, L không mua đất, không có quan hệ gì với Lãnh đạo UBND huyện G; Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G.

Khoảng đầu tháng 8/2023, L tiếp tục nói dối với anh K việc đầu tư kinh doanh đất đai sắp có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sẽ bán được đất kiếm được rất nhiều tiền nên L sẽ mua cho anh K xe ô tô mới nhãn hiệu Land Cruiser LC300 có giá trị khoảng 4,8 tỷ đồng. L nói với anh K đưa cho L 1 tỷ đồng để đặt cọc mua xe, đồng thời L sẽ nhờ bố mình là ông Trần Văn B, sinh năm 1960, trú tại: Xóm A, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định cho anh K vay thêm tiền và giúp đặt cọc mua xe hộ. Do tin tưởng L, từ ngày 08/8/2023 đến ngày 14/11/2023, anh K đã chuyển tiền vào những tài khoản mà L cung cấp để mua xe ô tô với tổng số tiền là 1.043.000.000 đồng, cụ thể: Tài khoản số 0397091764 Ngân hàng M của ông Trần Văn B số tiền 220.000.000 đồng; tài khoản số 2669999999968 Ngân hàng M của anh Vũ Văn P1 (không rõ địa chỉ) sau đó anh P1 chuyển cho anh Trần Văn N, sinh năm 1977, trú tại: Xóm T, xã G, huyện G số tiền 150.000.000 đồng để anh N chuyển cho L; tài khoản số 9866082273 Ngân hàng V2 của chị Trần Thị N2, sinh năm 2000, trú tại: Xóm C, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định số tiền 500.000.000 đồng; tài khoản số 0971000014776 Ngân hàng V2 của chị Đinh Thị B1, sinh năm 1988, phường T, quận H, thành phố Hà Nội số tiền 103.000.000 đồng; tài khoản số 0967525926 Ngân hàng M của chị Trần Thị H (làm dịch vụ đổi tiền) số tiền 35.000.000 đồng. Khi nhận được số tiền trên từ anh K thì anh N, chị B1, chị N2, chị H là những người bạn và em ruột của L, theo thống nhất từ trước với L đã rút tiền mặt hoặc chuyển khoản hết lại cho L. Sau khi nhận tổng số tiền 1.838.600.000 đồng, L không mua đất đai và mua xe ô tô cho anh K mà L đã sử dụng để trả nợ, tiêu sài cá nhân; cụ thể dùng 285.000.000 đồng để sửa nhà, mua nội thất trong nhà của L tại xóm A, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; 100.000.000 đồng để mở cửa hàng quần áo tại nhà L; 90.000.000 đồng để mua quần áo cho cửa hàng; chuyển cho anh Trần Văn N, sinh năm 1977, trú tại: Xóm T, xã G tỉnh Ninh Bình (trước sáp nhập là xã G, huyện G, tỉnh Nam Định) số tiền 635.000.000 đồng để anh N giữ hộ, sau đó L đã lấy lại 135.000.000 đồng để mua nội thất sau khi sửa nhà. Tháng 12/2023, anh N đã trả lại cho L số tiền 500.000.000 đồng, L đã sử dụng để trả cho K số tiền này; 60.500.000 đồng gửi cho

Trần Thị O (em gái L) để chi tiêu sinh hoạt cho con của L; 80.000.000 đồng trả nợ cho Trần Thị O; 26.700.000 đồng để mua hàng; 24.000.000 đồng để đóng tiền phường. Số tiền còn lại L dùng để chi tiêu sinh hoạt cá nhân. Đến khoảng đầu năm 2024, anh K thấy L không mua đất, mua xe như đã hứa hẹn nên yêu cầu L phải trả lại tiền cho anh K. L đã trả lại cho anh K số tiền 610.000.000 đồng.

* Tại cơ quan điều tra, anh Trần Gia K khai nhận: Ngoài số tiền đã chuyển khoản cho L, anh K còn đưa số tiền mặt là 1.819.500.000 đồng, tuy nhiên khi chuyển tiền không có người chứng kiến, không có giấy biên nhận. L không thừa nhận nên không đủ căn cứ để chứng minh anh K đã đưa cho L số tiền này, L chỉ thừa nhận đã nhận số tiền mặt 300.000.000 đồng từ anh K như đã nêu trên.

* Tại Cơ quan điều tra, Trần Thị L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được.

* Cáo trạng số: 70/CT-VKS-P3 ngày 17-6-2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình (trước sáp nhập là Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định), truy tố: Trần Thị L về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa:

- Bị cáo Trần Thị L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố là đúng, không bị oan. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, xin cho bị cáo được hưởng khoan hồng của pháp luật, sớm được trở về để lo trả nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình trình bày luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố. Sau khi xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Trần Thị L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Xử phạt Trần Thị L từ 13 năm đến 14 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc Trần Thị L phải có trách nhiệm trả lại cho anh Trần Gia K số tiền là 1.228.600.000 đồng;

Không áp dụng hình phạt bổ sung. Ngoài ra còn đề nghị về án phí theo quy định của pháp luật.

- Luật sư Hoàng Đức T trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Trần Thị L: Nhất trí với tội danh và khung hình phạt như cáo trạng truy tố và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Nhất trí với các tình tiết giảm nhẹ như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Bị hại là người cũng có lỗi, sống cuộc sống buông thả nên mong

HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xử bị cáo mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh N (trước sáp nhập là Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh N), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay; Bản tự khai; Lời khai bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2023 đến năm 2024, do cần tiền để trả nợ và tiêu sài cá nhân; Trần Thị L đã đưa ra thông tin gian dối là mình có mối quan hệ với lãnh đạo UBND huyện G, lãnh đạo Phòng tài nguyên môi trường huyện G nên có khả năng chuyển đổi đất trồng lúa sang đất ở tại xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; khi chuyển đổi xong, sẽ bán đất được rất nhiều tiền thì L sẽ mua xe ô tô Lan cruiser LC300 với giá khoảng 4,6 tỷ cho anh Trần Gia K, sinh năm 1979, trú tại: Khu T, phường T, tỉnh Ninh Bình. Anh K tin tưởng, đồng ý góp tiền để kinh doanh đất đai, mua xe ô tô và đã chuyển cho L nhiều lần với tổng số tiền 1.838.600.000 đồng. Tuy nhiên, L không kinh doanh đất đai, không mua xe ô tô cho anh K mà sử dụng số tiền anh K chuyển để sửa nhà, mở cửa hàng kinh doanh quần áo và tiêu sài. Đến đầu năm 2024, không thấy L mua đất, mua xe ô tô như đã hứa hẹn, anh K đòi lại tiền thì L đã trả cho anh K số tiền 610.000.000 đồng, còn lại chiếm đoạt số tiền 1.228.600.000 đồng dùng để trả nợ và tiêu sài cá nhân.

Hành vi nêu trên của Trần Thị L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự;

Quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình là có căn cứ pháp lý.

Hành vi của bị cáo Trần Thị L đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, tự nhận thức và biết việc làm của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng do động cơ tư lợi cá nhân mà bị cáo

vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Trần Thị L phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân; đầu năm 2024 bị cáo đã nhiều lần chuyển trả cho anh K tổng số tiền là 610.000.000 đồng. Do vậy, Trần Thị L được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo. Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thị L là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội. Do vậy, cần ấn định cho bị cáo mức hình phạt trong khung hình phạt bị truy tố và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như vậy mới đủ tác dụng trừng trị cải tạo đối với bị cáo và làm gương cho kẻ khác, mới đáp ứng được công cuộc đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo không có công việc ổn định, không có thu nhập và để tạo điều kiện cho bị cáo thi hành phần trách nhiệm dân sự; HĐXX xét và miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Theo quy định của pháp luật, buộc bị cáo còn phải trả lại cho anh Trần Gia K số tiền mà bị cáo đã chiếm hưởng từ việc gian dối; số tiền là 1.228.600.000 đồng

[7] Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ của bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax. Xét thấy, điện thoại không có liên quan đến việc phạm tội nên cần tuyên trả lại cho bị cáo; nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo: Trần Thị L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”
2. Căn cứ: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự
Xử phạt bị cáo: Trần Thị L 13 (mười ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24-01-2025.
3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Trần Thị L phải trả lại cho bị hại Trần Gia K số tiền đã chiếm đoạt là 1.228.600.000 đồng (Một tỷ hai trăm hai mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền người phải thi hành án phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

T3 trả lại cho bị cáo Trần Thị L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax; nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Chi tiết cụ thể theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 25/102 ngày 25/6/2025 giữa PC01 Công an tỉnh N (trước sáp nhập là Công an tỉnh N) với Thi hành án dân sự tỉnh N (trước sáp nhập là Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định)

5. Căn cứ Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Thị L phải nộp 200.000 đồng. Án phí dân sự: Bị cáo Trần Thị L phải nộp 48.858.000 đồng

6. Án xử công khai sơ thẩm, báo bị cáo Trần Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- CA; VKS tỉnh Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Thị Minh Hồng